TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2024/DS-ST
Ngày: 28-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

– ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Thuận – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 91 đường Pasteur, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Lan A**, sinh năm 2000 – Chức danh: Chuyên viên pháp lý.

(Văn bản ủy quyền ngày 24/5/2023)

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Bà **Lê Thị Ngọc H**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Số B22/464E ấp K, xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2023 và trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (sau đây gọi tắt là công ty M) có ký Hợp đồng tín dụng số: 3079385 ngày 17/4/2022 với bà Lê Thị Ngọc H; số tiền vay là 34.112.000 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm mười hai nghìn đồng), với mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất trong hạn là 39%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã trả được cho công ty M số tiền 8.151.814 đồng (Tám triệu một trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm mười bốn đồng). Từ ngày 18/9/2022 đến nay, bà Lê Thị Ngọc H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với công ty. Qua nhiều lần thông báo, đôn đốc, yêu cầu khách hàng thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ nên công ty đã chuyển toàn bộ số tiền nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/5/2024, bà Lê Thị Ngọc H còn nợ số tiền gồm:

+ Số tiền gốc: 31.276.962 đồng (Ba mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng);

+ Số tiền lãi trong hạn: 15.727.777 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng);

+ Số tiền lãi quá hạn: 7.235.059 đồng (Bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn không trăm năm mươi chín đồng);

+ Số tiền lãi chậm trả: 1.447.162 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi hai đồng);

+ Phí thu hộ: 236.966 đồng (Hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng).

Tổng cộng: 55.923.926 đồng (Năm mươi lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng).

Nay công ty M yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho công ty số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 28/5/2024 là 55.923.926 đồng (Năm mươi lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng).

Bà H còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 3079385 ngày 17/4/2022 mà các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên cho công ty.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng bà H vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Ngày 23/5/2024, bà Lê Thị Ngọc H có đơn yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu công ty M hỗ trợ cho bà H trả phần gốc còn lại và xin giảm lãi.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án; tuy nhiên còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thì xét thấy nguyên đơn công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) và bị đơn bà Lê Thị Ngọc H có ký với nhau hợp đồng tín dụng vay vốn; do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H trả khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng vay vốn ký giữa các bên; bị đơn cư trú tại xã T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: 3079385 ngày 17/4/2022 thì bà Lê Thị Ngọc H có vay của công ty M số tiền là 34.112.000 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm mười hai nghìn đồng). Nội dung hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt

động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.2] Bị đơn bà H khi thực hiện hợp đồng đã thanh toán được một phần gốc và lãi thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng vay vốn mà hai bên đã ký. Tính đến ngày 28/5/2024, bà H còn nợ công ty M cụ thể như sau:

+ Số tiền gốc: 31.276.962 đồng (Ba mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng);

+ Số tiền lãi trong hạn: 15.727.777 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng);

+ Số tiền lãi quá hạn: 7.235.059 đồng (Bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn không trăm năm mươi chín đồng);

+ Số tiền lãi chậm trả: 1.447.162 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi hai đồng);

+ Phí thu hộ: 236.966 đồng (Hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng).

Tổng cộng: 55.923.926 đồng (Năm mươi lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng).

Công ty M yêu cầu bà H thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ 29/5/2024, cho đến khi bà H thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín vay vốn đã ký là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) số tiền tạm tính đến ngày 28/5/2024 là 55.923.926 đồng (Năm mươi lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng), bao gồm số tiền gốc là 31.276.962 đồng (Ba mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng); tiền lãi trong hạn là 15.727.777 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng); tiền lãi quá hạn là 7.235.059 đồng (Bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn không trăm năm mươi chín đồng); tiền lãi chậm trả là 1.447.162 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi hai đồng) và phí thu hộ: 236.966 đồng (Hai trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày 29/5/2024, bà H còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 3079385 ngày 17/4/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.796.196 đồng (Hai triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn một trăm chín mươi sáu đồng).

Hoàn trả lại cho công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) số tiền 999.987 đồng (Chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0011564 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



Trần Tuấn Khương